

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ BẢY**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Xét Tờ trình số 104/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

- 85 dự án thu hồi đất với diện tích là 772,71 ha.

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

- 64 dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa với diện tích 520,34 ha.

*(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*

**Điều 2.** Thông qua điều chỉnh tên, diện tích đối với 16 công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

*(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)*

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ; căn cứ pháp lý của các dự án và tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng chỉ tiêu sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chỉ thực hiện việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất khi đã đảm bảo đầy đủ thủ tục, quy trình và đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục rà soát quy mô, diện tích của từng dự án, đánh giá tiến độ triển khai, sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện theo tính cấp thiết của từng dự án, đảm bảo mục tiêu sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm. Sau thu hồi, yêu cầu chủ đầu tư sớm đưa vào sử dụng đất có hiệu quả. Kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai, vi phạm Luật Đất đai theo quy định.

Trường hợp phát sinh yêu cầu sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án quan trọng cấp bách vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng mà chưa có trong danh mục được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua hoặc trường hợp cần điều chỉnh, giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp trong năm 2022.

Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, nhất là cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng và đất đai. Tuân thủ đúng quy trình, quy định pháp lý trong tổ chức thực hiện thu hồi đất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**Phụ lục I**

**Danh mục 85 dự án thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**  
(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

TT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>772,71</b>	<b>300,86</b>			<b>471,85</b>
<b>I</b>	<b>THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN</b>		<b>4,48</b>	<b>0,63</b>			<b>3,85</b>
1	Xây dựng Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự xã Tân Cương	Xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên	0,13	0,13			
2	Trường bắn, thao trường huấn luyện Lữ đoàn 382/Quân khu 1	Xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên	1,81	0,50			1,31
3	Xây dựng một số hạng mục phục vụ diễn tập phòng thủ tại căn cứ chiến đấu 02 thành phố Thái Nguyên	Xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên	1,32				1,32
4	Tòa nhà hỗn hợp ở, thương mại dịch vụ cao tầng (đầu giá Khu phát sóng của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh)	Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên	0,98				0,98
5	Nâng cấp tuyến đường Phố Hương	Phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên	0,13				0,13
6	Xây dựng mới, cải tạo các đường dây trung thế khu vực thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công và huyện Đồng Hỷ (bổ sung)	Phường Đồng Bẩm, thành phố Thái Nguyên	0,07				0,07
		Phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên	0,04				0,04
<b>II</b>	<b>THÀNH PHỐ PHỔ YÊN</b>		<b>157,84</b>	<b>56,17</b>			<b>101,67</b>
1	Khu đô thị Kim Thái	Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	5,11	4,21			0,90
		Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	1,10	1,08			0,02
2	Khu đô thị Thành Công (khu số 1)	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	40,10	16,40			23,70
3	Khu đô thị Thành Công (khu số 2)	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	48,00	15,00			33,00

TT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
4	Khu đô thị Thành Công (khu số 3)	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	21,90	3,00			18,90
5	Trụ sở công an xã Phúc Thuận	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	0,25	0,15			0,10
6	Trụ sở công an xã Thành Công	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	0,24	0,24			
7	Trụ sở công an xã Phúc Tân	Xã Phúc Tân, thành phố Phổ Yên	0,26	0,23			0,03
8	Trụ sở công an xã Minh Đức	Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên	0,34	0,30			0,04
9	Trụ sở công an xã Vạn Phái	Xã Vạn Phái, thành phố Phổ Yên	0,26	0,16			0,10
10	Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự phường Hồng Tiến	Phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên	0,11	0,11			
11	Trường Mầm non Đông Cao (Nhà lớp học và các phòng chức năng, 12 phòng)	Phường Đông Cao, thành phố Phổ Yên	0,30	0,30			
12	Nhà Văn hóa tổ dân phố Bông Hồng	Phường Bãi Bông, thành phố Phổ Yên	0,01				0,01
13	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.261 - ĐT.266	Phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên	4,33	2,25			2,08
14	Nhà Văn hóa Tâm Quang	Phường Bãi Bông, thành phố Phổ Yên	0,01				0,01
15	Nhà Văn hóa Đại Tân	Phường Tiên Phong, thành phố Phổ Yên	0,10				0,10
16	Nhà Văn hóa Định Thành	Phường Tiên Phong, thành phố Phổ Yên	0,05				0,05
17	Nhà Văn hóa Cổ Pháp	Phường Tiên Phong, thành phố Phổ Yên	0,04				0,04
18	Nhà Văn hóa Thôn Yên Trung	Phường Tiên Phong, thành phố Phổ Yên	0,12				0,12
19	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Lý Nam Đế, phường Tiên Phong, thành phố Phổ Yên (khu Đền Mục, khu Chùa	Phường Tiên Phong, thành phố Phổ Yên	33,56	11,73			21,83

TT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	Hương Ấp, khu Chùa Mãn Tăng)						
20	Khu tái định cư phục vụ dự án Khu đô thị Nam Thái (mở rộng)	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	1,64	1,00			0,64
<b>III</b>	<b>THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG</b>		<b>12,70</b>	<b>8,02</b>			<b>4,68</b>
1	Khu đô thị số 2, phường Cải Đan	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	3,00	2,00			1,00
2	Khu đô thị đường Lý Thường Kiệt (đoạn phía đường Thắng Lợi - nằm trong quy hoạch khu trung tâm hành chính Sông Công) - Khu A	Phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công	0,37	0,15			0,22
3	Khu dân cư đường Lê Hồng Phong (giai đoạn 3)	Phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	0,14	0,14			
4	Trụ sở công an xã Bá Xuyên	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	0,31	0,31			
5	Trụ sở công an xã Bình Sơn	Xã Bình Sơn, thành phố Sông Công	0,36	0,05			0,31
6	Trụ sở công an xã Tân Quang	Xã Tân Quang, thành phố Sông Công	0,30	0,30			
7	Mở rộng Trường THPT Sông Công (xây dựng nhà lớp học 16 phòng)	Phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công	0,41	0,36			0,05
8	Đường Trần Phú (từ đường 30/4 đến đường đô thị dọc Sông Công)	Phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công	6,00	4,00			2,00
9	Giảm thiểu ngập úng cục bộ bị ảnh hưởng sau khi xây dựng đường Quốc lộ 3 mới tại xã Tân Quang và phường Lương Sơn, thành phố Sông công	Xã Tân Quang, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công	0,21	0,21			
10	Mở rộng nghĩa trang Cải	Phường Cải Đan,	1,60	0,50			1,10

TT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	Đan	thành phố Sông Công					
<b>IV</b>	<b>HUYỆN ĐỊNH HÓA</b>		<b>45,72</b>	<b>11,10</b>			<b>34,62</b>
1	Mở rộng UBND xã Bình Yên	Xã Bình Yên, huyện Định Hóa	0,23				0,23
2	Tuyến đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Chu đến ngã ba Trung Sơn (giai đoạn II)	Xã Phúc Chu, xã Bảo Linh, xã Đồng Thịnh, huyện Định Hóa	29,70	6,00			23,70
3	Mở rộng tuyến đường Bảo Cường - Đồng Thịnh - Định Biên	Xã Bảo Cường, xã Đồng Thịnh, xã Định Biên, huyện Định Hóa	5,00	1,40			3,60
4	Đường liên xã Quy Kỳ - Linh Thông - Lam Vỹ - Tân Thịnh	Xã Quy Kỳ, xã Linh Thông, xã Lam Vỹ, xã Tân Thịnh, huyện Định Hóa	8,00	3,00			5,00
5	Cải tạo, nâng cấp đường vào nghĩa trang nhân dân thị trấn Chợ Chu	Thị trấn Chợ Chu, xã Kim Phụng, huyện Định Hóa	1,04	0,05			0,99
6	Xây dựng Trạm và đường dây 110 Kv huyện Định Hóa	Xã Trung Hội, xã Phú Tiến, xã Bộc Nhiêu, huyện Định Hóa	1,75	0,65			1,10
<b>V</b>	<b>HUYỆN ĐỒNG HỖ</b>		<b>10,41</b>	<b>2,83</b>			<b>7,58</b>
1	Giao đất tại Khu Tái định cư khu hành chính huyện Đồng Hỷ	Xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ	1,55				1,55
2	Khu đô thị số 4 (thuộc đô thị mới Hóa Thượng) (bổ sung)	Xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ	5,88	2,58			3,30
3	Mở rộng Trụ sở UBND thị trấn Sông Cầu	Thị trấn Sông Cầu, huyện Đồng Hỷ	0,20				0,20
4	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Hợp Tiến	Xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ	0,09	0,01			0,08
5	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Đồng Hỷ (giai đoạn 1)	Xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ	1,69	0,24			1,45
6	Mở rộng Đền Thác Nhật	Xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ	1,01				1,01
<b>VI</b>	<b>HUYỆN ĐẠI TỪ</b>		<b>256,06</b>	<b>44,05</b>			<b>212,01</b>

TT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
1	Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu	Xã Tân Linh, huyện Đại Từ	8,51	7,02			1,49
2	Khu dân cư nông thôn mới Văn Yên 1 (thuộc quy hoạch Khu trung tâm xã Văn Yên)	Xã Văn Yên, huyện Đại Từ	11,58	7,06			4,52
3	Khu dân cư nông thôn mới thể thao và giáo dục Tân Thái - Khu A	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	60,60	3,80			56,80
4	Điểm dân cư nông thôn (điểm dân cư nông thôn xóm Giữa và Chợ trung tâm)	Xã Văn Yên, huyện Đại Từ	0,91	0,29			0,62
5	Khu dân cư số 3 (khu Trung tâm xã Ký Phú)	Xã Ký Phú, huyện Đại Từ	11,20	9,70			1,50
6	Khu dân cư nông thôn mới xóm Bãi Bằng số 2	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	57,70	2,54			55,16
7	Khu dân cư nông thôn mới thể thao và giáo dục Tân Thái - Khu B	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	78,46	8,21			70,25
8	Mở rộng Trụ sở UBND xã Tân Thái	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	0,35				0,35
9	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	4,03				4,03
10	Cụm công nghiệp Phú Lạc 2	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	12,01	2,43			9,58
11	Đường Nguyễn Huệ	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	10,00	3,00			7,00
12	Mở rộng Chùa Đài	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	0,62				0,62
13	Giáo họ Tân Cường 4	Xã Phú Cường, huyện Đại Từ	0,09				0,09
<b>VII</b>	<b>HUYỆN PHÚ BÌNH</b>		<b>282,64</b>	<b>177,51</b>			<b>105,13</b>
1	Khu tái định cư Hương Sơn (phục vụ Dự án Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Phú Bình)	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	11,46	7,68			3,78
2	Khu tái định cư Tân Hòa 1 (phục vụ Dự án Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Phú Bình)	Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình	13,72	7,31			6,41

TT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
3	Khu tái định cư Tân Hòa 2 (phục vụ Dự án Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Phú Bình)	Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình	16,22	5,50			10,72
		Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	1,83	0,64			1,19
4	Khu tái định cư số 2 xã Nga My (phục vụ Dự án Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình)	Xã Nga My, huyện Phú Bình	10,00	9,76			0,24
5	Khu đô thị số 2B thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	4,04	3,24			0,80
6	Khu đô thị số 3	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	9,87	6,79			3,08
		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	6,52	4,11			2,41
7	Khu đô thị số 4 thuộc đô thị mới Điềm Thụy (khu 2)	Xã Điềm Thụy, huyện Phú Bình	13,00	8,44			4,56
8	Khu đô thị số 9A	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	4,22	3,11			1,11
		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	5,78	3,77			2,01
9	Khu đô thị số 9B	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	12,00	6,68			5,32
10	Trụ sở công an xã Kha Sơn	Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	0,37	0,32			0,05
11	Trụ sở công an xã Dương Thành	Xã Dương Thành, huyện Phú Bình	0,15				0,15
12	Cụm công nghiệp Lương Phú - Tân Đức	Xã Lương Phú, huyện Phú Bình	43,10	38,14			4,96
		Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	31,40	25,00			6,40
13	Cụm công nghiệp Tân Đức	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	74,50	41,62			32,88
14	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.261 - ĐT.266	Xã Điềm Thụy, huyện Phú Bình	10,87	3,61			7,26
15	Tuyến đường kết nối Quốc lộ 37 và đường tỉnh ĐT.269B tỉnh Thái	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	9,22	1,11			8,11

TT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	Nguyên	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	2,31	0,54			1,77
		Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	2,06	0,14			1,92
<b>VIII</b>	<b>HUYỆN PHÚ LƯƠNG</b>		<b>0,51</b>	<b>0,27</b>			<b>0,24</b>
1	Mở rộng Trường Tiểu học Yên Đổ 1	Xã Yên Đổ, huyện Phú Lương	0,17	0,17			
2	Trường Tiểu học Động Đạt 1	Xã Động Đạt, huyện Phú Lương	0,15	0,06			0,09
3	Đường dây và Trạm biến áp 110Kv Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	Xã Yên Đổ, huyện Phú Lương	0,19	0,04			0,15
<b>IX</b>	<b>HUYỆN VÕ NHAİ</b>		<b>2,36</b>	<b>0,29</b>			<b>2,07</b>
1	Kho bạc Nhà nước Võ Nhai	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,37	0,29			0,08
2	Trụ sở công an xã Phương Giao	Xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	0,30				0,30
3	Xây dựng phân Trường Mầm non và Tiểu học xóm Xuyên Sơn, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	Xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	0,30				0,30
4	Xây dựng khu thể thao xã Thần Sa	Xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	1,21				1,21
5	Nhà văn hóa xóm Xuyên Sơn, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	Xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	0,10				0,10
6	Nâng cấp Bến xe khách Đình Cả	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,08				0,08

**Phụ lục II****Danh mục 64 công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên***(Kèm theo Nghị quyết số: 35/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

TT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>520,34</b>	<b>149,65</b>			<b>370,69</b>
<b>I</b>	<b>THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN</b>		<b>1,94</b>	<b>0,63</b>			<b>1,31</b>
1	Xây dựng Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự xã Tân Cương	Xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên	0,13	0,13			
2	Trường bắn, thao trường huấn luyện Lữ đoàn 382/Quân khu 1	Xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên	1,81	0,50			1,31
<b>II</b>	<b>THÀNH PHỐ PHỔ YÊN</b>		<b>37,21</b>	<b>13,18</b>			<b>24,03</b>
1	Khu đô thị Kim Thái	Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	5,11	4,21			0,90
		Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	1,10	1,08			0,02
2	Khu đô thị Thành Công (khu số 3)	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	21,90	3,00			18,90
3	Trụ sở công an xã Phúc Thuận	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	0,25	0,15			0,10
4	Trụ sở công an xã Thành Công	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	0,24	0,24			
5	Trụ sở công an xã Phúc Tân	Xã Phúc Tân, thành phố Phổ Yên	0,26	0,23			0,03
6	Trụ sở công an xã Minh Đức	Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên	0,34	0,30			0,04
7	Trụ sở công an xã Vạn Phái	Xã Vạn Phái, thành phố Phổ Yên	0,26	0,16			0,10
8	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Hồng Tiến	Phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên	0,11	0,11			
9	Trường Mầm non Đông Cao (Nhà lớp học và các phòng chức năng, 12 phòng)	Phường Đông Cao, thành phố Phổ Yên	0,30	0,30			

TT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
10	Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại khu vực đồi ông Đoán và đồi Quần Ngựa (bổ sung)	Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên	1,36	0,14			1,22
11	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.261 - ĐT.266	Phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên	4,33	2,25			2,08
12	Khu tái định cư phục vụ dự án Khu đô thị Nam Thái (mở rộng)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	1,64	1,00			0,64
<b>III</b>	<b>THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG</b>		<b>12,70</b>	<b>8,02</b>			<b>4,68</b>
1	Khu đô thị số 2, phường Cải Đan	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	3,00	2,00			1,00
2	Khu đô thị đường Lý Thường Kiệt (đoạn phía đường Thắng Lợi – nằm trong quy hoạch khu trung tâm hành chính Sông Công) - Khu A	Phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công	0,37	0,15			0,22
3	Khu dân cư đường Lê Hồng Phong (giai đoạn 3)	Phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	0,14	0,14			
4	Trụ sở công an xã Bá Xuyên	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	0,31	0,31			
5	Trụ sở công an xã Bình Sơn	Xã Bình Sơn, thành phố Sông Công	0,36	0,05			0,31
6	Trụ sở công an xã Tân Quang	Xã Tân Quang, thành phố Sông Công	0,30	0,30			
7	Mở rộng Trường THPT Sông Công (xây dựng nhà lớp học 16 phòng)	Phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công	0,41	0,36			0,05
8	Đường Trần Phú (từ đường 30/4 đến đường đô thị dọc Sông Công)	Phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công	6,00	4,00			2,00
9	Giảm thiểu ngập úng cục bộ bị ảnh hưởng sau khi xây dựng đường Quốc lộ 3 mới tại xã Tân Quang và phường Lương Sơn, thành phố Sông Công	Xã Tân Quang, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công	0,21	0,21			

TT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
10	Mở rộng nghĩa trang Cải Đan	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	1,60	0,50			1,10
<b>IV</b>	<b>HUYỆN ĐỊNH HÓA</b>		<b>50,48</b>	<b>11,65</b>			<b>38,83</b>
1	Nhà máy ván ép Green Energy	Xã Tân Dương, huyện Định Hóa	4,99	0,55			4,44
2	Tuyến đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Chu đến ngã ba Trung Sơn (giai đoạn II)	Xã Phúc Chu, xã Bảo Linh, xã Đồng Thịnh, huyện Định Hóa	29,70	6,00			23,70
3	Mở rộng tuyến đường Bảo Cường - Đồng Thịnh - Định Biên	Xã Bảo Cường, xã Đồng Thịnh, xã Định Biên, huyện Định Hóa	5,00	1,40			3,60
4	Đường liên xã Quy Kỳ - Linh Thông - Lam Vỹ - Tân Thịnh	Xã Quy Kỳ, xã Linh Thông, xã Lam Vỹ, xã Tân Thịnh, huyện Định Hóa	8,00	3,00			5,00
5	Cải tạo, nâng cấp đường vào Nghĩa trang nhân dân thị trấn Chợ Chu	Thị trấn Chợ Chu, xã Kim Phượng, huyện Định Hóa	1,04	0,05			0,99
6	Xây dựng Trạm và đường dây 110 Kv huyện Định Hóa	Xã Trung Hội, xã Phú Tiến, xã Bộc Nhiêu, huyện Định Hóa	1,75	0,65			1,10
<b>V</b>	<b>HUYỆN ĐỒNG HỖ</b>		<b>7,65</b>	<b>2,83</b>			<b>4,83</b>
1	Khu đô thị số 4 (thuộc đô thị mới Hóa Thượng) (bổ sung)	Xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ	5,88	2,58			3,30
2	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Đồng Hỷ (giai đoạn 1)	Xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ	1,69	0,24			1,45
3	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Hợp Tiến	Xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ	0,09	0,01			0,08
<b>VI</b>	<b>HUYỆN ĐẠI TỪ</b>		<b>287,52</b>	<b>49,89</b>			<b>237,63</b>
1	Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu	Xã Tân Linh, huyện Đại Từ	8,51	7,02			1,49
2	Khu dân cư nông thôn mới Văn Yên 1 (thuộc quy hoạch Khu trung tâm xã Văn Yên)	Xã Văn Yên, huyện Đại Từ	11,58	7,06			4,52
3	Khu dân cư nông thôn mới thể thao và giáo dục Tân Thái - Khu A	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	60,60	3,80			56,80

TT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
4	Điểm dân cư nông thôn (Điểm dân cư nông thôn xóm Giữa và Chợ trung tâm)	Xã Văn Yên, huyện Đại Từ	0,91	0,29			0,62
5	Khu dân cư số 3 (khu Trung tâm xã Ký Phú)	Xã Ký Phú, huyện Đại Từ	11,20	9,70			1,50
6	Khu dân cư nông thôn mới xóm Bãi Bằng số 2	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	57,70	2,54			55,16
7	Khu dân cư nông thôn mới thể thao và giáo dục Tân Thái - Khu B	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	78,46	8,21			70,25
8	Cụm công nghiệp Phú Lạc 2	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	12,01	2,43			9,58
9	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu	Xã Phúc Lương, huyện Đại Từ	0,58	0,34			0,24
10	Trạm dừng nghỉ, cửa hàng xăng dầu và các dịch vụ thương mại tổng hợp	Xã Ký Phú, huyện Đại Từ	1,31	1,29			0,02
11	Khu dịch vụ thương mại xăng dầu kết hợp kho tập kết, sản xuất vật liệu xây dựng đúc sẵn	Xã Cù Vân, huyện Đại Từ	2,66	2,59			0,07
12	Đường Nguyễn Huệ	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	10,00	3,00			7,00
13	Trung tâm thương mại và Chợ Cù Vân	Xã Cù Vân, huyện Đại Từ	1,60	1,52			0,08
14	Khu thể thao sân gôn Tân Thái (bổ sung)	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	30,40	0,10			30,30
<b>VII</b>	<b>HUYỆN PHÚ BÌNH</b>		<b>117,35</b>	<b>62,00</b>			<b>55,35</b>
1	Khu tái định cư Hương Sơn (phục vụ Dự án Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Phú Bình)	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	11,46	7,68			3,78
2	Khu tái định cư Tân Hòa 1 (phục vụ Dự án Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Phú Bình)	Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình	13,72	7,31			6,41
3	Khu tái định cư Tân Hòa 2 (phục vụ Dự án Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Phú Bình)	Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình	16,22	5,50			10,72
		Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	1,83	0,64			1,19
4	Khu tái định cư số 2 xã Nga My (phục vụ Dự án Khu công)	Xã Nga My, huyện Phú Bình	10,00	9,76			0,24

TT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	nghệ thông tin tập trung Yên Bình)						
5	Khu đô thị số 2B thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	4,04	3,24			0,80
6	Khu đô thị số 4 thuộc đô thị mới Diềm Thụy (khu 2)	Xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình	13,00	8,44			4,56
7	Khu đô thị số 9A	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	4,22	3,11			1,11
		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	5,78	3,77			2,01
8	Khu đô thị số 9B	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	12,00	6,68			5,32
9	Trụ sở công an xã Kha Sơn	Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	0,37	0,32			0,05
10	Cửa hàng xăng dầu Xuân Thành 1	Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	0,25	0,15			0,10
11	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.261 - ĐT.266	Xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình	10,87	3,61			7,26
12	Tuyến đường kết nối Quốc lộ 37 và đường tỉnh ĐT.269B tỉnh Thái Nguyên	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	9,22	1,11			8,11
		Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	2,31	0,54			1,77
		Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	2,06	0,14			1,92
<b>VIII</b>	<b>HUYỆN PHÚ LƯƠNG</b>		<b>0,51</b>	<b>0,27</b>			<b>0,24</b>
1	Mở rộng Trường Tiểu học Yên Đổ 1	Xã Yên Đổ, huyện Phú Lương	0,17	0,17			
2	Trường Tiểu học Động Đạt 1	Xã Động Đạt, huyện Phú Lương	0,15	0,06			0,09
3	Đường dây và Trạm biến áp 110Kv Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	Xã Yên Đổ, huyện Phú Lương	0,19	0,04			0,15
<b>IX</b>	<b>HUYỆN VÕ NHAİ</b>		<b>4,98</b>	<b>1,18</b>			<b>3,80</b>
1	Kho bạc Nhà nước Võ Nhai	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,37	0,29			0,08
2	Trang trại chăn nuôi lợn	Xã Sảng Mộc, huyện Võ Nhai	4,61	0,89			3,72

### Phụ lục III

#### Điều chỉnh tên, diện tích đối với 16 dự án trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt								Nay điều chỉnh lại như sau							
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)			
				Nhóm đất nông nghiệp		Nhóm đất phi nông nghiệp	Nhóm đất chưa sử dụng					Nhóm đất nông nghiệp		Nhóm đất phi nông nghiệp	Nhóm đất chưa sử dụng
				Tổng	Trong đó: Đất trồng lúa							Tổng	Trong đó: Đất trồng lúa		
A	Nghị Quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh														
I	Thành phố Thái Nguyên						I	Thành phố Thái Nguyên							
1	Khu dân cư số 4 Việt Bắc, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	3.73	1.88	1.11	1.85	1	Khu nhà ở số 6 phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	Phường Tân Lập, TPTN	6.57	4.10	1.62	2.47		
2	Khu dân cư số 5, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	2.34	1.72	0.51	0.62									

3	Khu dân cư tại tổ 4, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	0.50	0.50											
<b>II</b>	<b>Thành phố Sông Công</b>							<b>II</b>	<b>Thành phố Sông Công</b>						
1	Khu đô thị tổ dân phố 11, phường Thăng Lợi	Phường Thăng Lợi, thành phố Sông Công	1.90	1.70	0.80	0.20		1	Khu đô thị tổ dân phố 11, phường Thăng Lợi	Phường Thăng Lợi, thành phố Sông Công	1.90	1.65	1.44	0.25	
<b>III</b>	<b>Huyện Đại Từ</b>							<b>III</b>	<b>Huyện Đại Từ</b>						
1	Khu dân cư nông thôn số 3	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	14.74	13.78	12.07	0.96		1	Khu dân cư nông thôn số 3	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	11.84	11.23	10.53	0.61	
<b>IV</b>	<b>Huyện Phú Bình</b>							<b>IV</b>	<b>Huyện Phú Bình</b>						
1	Khu đô thị số 8	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	11.25	9.69	5.86	1.40	0.16	1	Khu đô thị số 8	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	11.25	10.27	6.35	0.97	0.01
		Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	4.40	4.25	2.65	0.15	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình			4.40	4.21	3.36	0.19		
<b>B</b>	<b>Nghị Quyết số 208/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh</b>														
<b>I</b>	<b>Thành phố Phổ Yên</b>							<b>I</b>	<b>Thành phố Phổ Yên</b>						
1	Khu đô thị sinh thái thể thao GLORY	Xã Thành Công, thị xã Phổ Yên	13.80	12.07	2.15	1.73		1	Khu đô thị sinh thái và nghỉ dưỡng Thành Công 1	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	13.80	12.07	2.15	1.73	

2	Khu đô thị sinh thái GLORY ECOLAND & VILLA	Xã Thành Công, thị xã Phổ Yên	25.70	22.80	3.10	2.90		2	Khu đô thị sinh thái và nghỉ dưỡng Thành Công 2	Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	25.70	22.80	3.10	2.90	
<b>C</b>	<b>Nghị Quyết số 146/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh</b>														
<b>I</b>	<b>Thành phố Sông Công</b>							<b>I</b>	<b>Thành phố Sông Công</b>						
1	Khu đô thị sinh thái thể thao Hồ Ghềnh Chè	Xã Bình Sơn, thành phố Sông Công	480.32	360.10	61.00	120.22		1	Khu đô thị sinh thái thể thao Hồ Ghềnh Chè	Xã Bình Sơn, thành phố Sông Công	409.92	315.55	56.05	94.37	
								2	Sân gôn tại Khu đô thị sinh thái thể thao Hồ Ghềnh Chè	Xã Bình Sơn, thành phố Sông Công	70.40	44.55	4.95	25.85	
<b>II</b>	<b>Huyện Đồng Hỷ</b>							<b>II</b>	<b>Huyện Đồng Hỷ</b>						
1	Dự án chăn nuôi lợn gà công nghệ cao kết hợp trồng cây lâu năm và sản xuất phân vi sinh (bổ sung)	Xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ	201.00	179.43	18.75	17.61	3.96	1	Dự án chăn nuôi lợn gà công nghệ cao kết hợp trồng cây lâu năm và sản xuất phân vi sinh (bổ sung)	Xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ	201.00	179.43	5.90	17.61	3.96
<b>Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt</b>								<b>Nay điều chỉnh lại như sau</b>							
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng	Đất rừng đặc	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng	Đất rừng đặc	Đất khác



3	Khu đô thị Nam Thái (phần diện tích 48,89 ha)	Xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên	2.95	1.40			1.55	(phần diện tích 56,37 ha)	thành phố Phổ Yên					
		Xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên	45.94	22.69			23.25		Phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên	2.95	1.40			1.55
<b>III</b>	<b>Huyện Đại Từ</b>						<b>III</b>	<b>Huyện Đại Từ</b>						
1	Khu thể thao và dịch vụ xóm Góc Mít	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	53.80	2.26			51.54	1	Khu thể thao sân gôn Tân Thái	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	53.8	2.26		51.54
2	Khu dân cư nông thôn xóm Bãi Bằng	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	54.94	0.95			53.99	2	Khu dân cư nông thôn xóm Bãi Bằng	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	54.94	5.60		49.34